

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 30

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Miến nấu tôm khô, giá, hẹ, cải dúng, mướp, cà rốt, ngô rí
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá hủ sốt cà chua, hành lá
- Canh cải thìa nấu thịt gà, nấm rom, hành lá, ngô rí
Xế: Bánh Pudding trứng sữa
Xế chiều: Nui sò nấu cua biển, củ cải, nấm bào ngư, su hào, cải bó xôi, hành lá, ngô rí
NT nhóm 2: Cháo cua biển, cải bó xôi

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	500	3,140	15,700
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
4	N0966	Muối Iot	200	740	1,480
5	0004	Gạo tẻ máy	1,600	2,560	40,960
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	8,400	4,200
7	0164	Rau mùi (ngô rí)	50	8,930	4,465
8	0426	Tôm khô	100	78,100	78,100
9	0038	Miến dong	400	5,390	21,560
10	0089	Cà rốt	200	6,300	12,600
11	0716	Cải dún (nhúng)	100	6,300	6,300
12	0118	Giá đậu xanh	100	2,730	2,730
13	0124	Hẹ lá	50	6,090	3,045
14	0136	Mướp	200	4,520	9,040
15	0087	Cà chua	300	7,670	23,010
16	N0881	Cá hủ	1,500	24,990	374,850
17	0097	Cải thìa (cải trắng)	600	6,510	39,060
18	0211	Nấm rom	100	14,180	14,180
19	N0772	Thịt ức gà	400	12,920	51,680
20	0750	Nui	400	3,060	12,240
21	N0779	Cải bó xôi	100	9,870	9,870
22	0103	Củ cải trắng	200	3,150	6,300
23	N0778	Nấm bào ngư	100	13,130	13,130
24	0178	Su hào	100	5,460	5,460
25	N0810	Thịt cua tươi	100	91,850	91,850

26	0457	Sữa bột toàn phần	536.73	20,500	110,030
27	0646	Bánh pudding	1,200	11,800	141,600
Tổng cộng					1,110,000

Tổng tiền thực phẩm	1,110,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,109,999
Số dư đầu ngày	-1
Số dư cuối ngày	-1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	22,385,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	22,385,001

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan